

Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

*** Thế nào là quyền BKXP về chỗ ở của CD.**

– Chỗ ở của công dân được nhà nước và mọi người tôn trọng, không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý. Chỉ trong trường hợp PL cho phép và phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được khám xét chỗ ở của một người. Trong trường hợp này thì việc khám xét cũng không được tiến hành một cách tùy tiện mà phải tuân theo đúng trình tự, thủ tục do PL quy định.

*** Nội dung quyền BKXP về chỗ ở của CD.**

– **Nội dung 1:** Không một ai có quyền tùy tiện vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý.

– **Nội dung 2:** Khám chỗ ở của công dân phải theo đúng pháp luật.

+ **Trường hợp 1:** Khi có căn cứ khẳng định chỗ ở, địa điểm của người đó có công cụ, phương tiện để thực hiện phạm tội hoặc có tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án.

+ **Trường hợp 2:** Việc khám chỗ ở, làm việc, địa điểm cũng được tiến hành khi cần bắt người đang bị truy nã.

– **Trình tự khám xét (cả 2 trường hợp)**

+ Phải đọc lệnh khám, đưa cho đương sự đọc và giải thích cho đương sự

+ Khi khám phải có mặt người chủ hoặc người thành niên trong gia đình và đại diện chính quyền địa phương (xã...)

+ Không được khám vào ban đêm (nếu khám phải ghi biên bản)

+ Khi khám chỗ làm việc thì phải có mặt người đó (nếu không thể trì hoãn thì phải ghi biên bản)

VI PHẠM QUYỀN NÀY THỂ HIỆN

- tự tiện vào nhà không xin phép chỗ nhà
- khám nhà không có lệnh của cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án nhân dân

Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

– Thư tín, điện tín, điện thoại là phương tiện sinh hoạt thuộc đời sống tinh thần của con người thuộc về bí mật đời tư của cá nhân cần phải được đảm bảo.

– Không ai được tự tiện bóc mở, giữ, tiêu hủy điện tín của người khác.

– Chỉ có những người có thẩm quyền trong trường hợp cần thiết được kiểm soát điện thoại, điện tín của người khác.

– **Ý nghĩa:**

+ Đảm bảo đời sống tư của mỗi người

+ Công dân có đời sống TT thoải mái.

VI PHẠM QUYỀN NÀY :

TỰ TIỆN BÓC MỞ THƯ, NGHE LÉM ĐIỆN THOẠI, CHUYỀN NHÀM THƯ,

KIỂM SOÁT THƯ KHÔNG CÓ LỆNH CỦA CƠ QUAN ĐIỀU TRA, VIỆN KIỂM SÁT, TÒA ÁN.

ĐÂY LÀ QUYỀN THUỘC QUYỀN BÍ MẬT ĐỜI TƯ

Quyền tự do ngôn luận.

– Quy định điều 69 HP 1992 (sđ)

– Là quyền TD cơ bản của công dân

– Là điều kiện chủ động và tích cực để công dân tham gia vào công việc NN và XH.

– **Hình thức**

+ **Trực tiếp** ở cơ quan, trường học, tổ dân phố...

+ **Gián tiếp:** thông qua báo, đóng góp ý kiến, kiến nghị với đại biểu QH, HĐND các cấp.

– **Ý nghĩa:**

+ Đảm bảo quyền tự do, dân chủ, có quyền lực thực sự của công dân.

+ Là điều kiện để công dân tham gia quản lí NN và XH

VI PHẠM QUYỀN NÀY :

CẢN TRỞ NGƯỜI KHÁC PHÁT BIỂU TRONG CUỘC HỌP , VIẾT BÀI ĐĂNG BÁO, BUỘC NGƯỜI KHÁC PHẢI PHÁT NGÔN ĐIỀU HỌC KO MUỐN VÀ SAI SỰ THẬT

Trách nhiệm của NN và CD trong việc bảo đảm và thực hiện các quyền TD cơ bản của công dân.

Trách nhiệm của công dân.

- CD cần học tập và tìm hiểu PL
- CD có trách nhiệm phê phán đấu tranh, tố cáo các hành vi VP quyền TD cơ bản của CD
- Giúp đỡ cán bộ có thẩm quyền thi hành các quyết định trong những trường hợp PL cho phép.
- CD coi trọng, tự giác tuân thủ PL và các quyền TD cơ bản của CD.

Bài 7: CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN DÂN CHỦ

Quyền bầu cử và quyền ứng cử vào các cơ quan đại biểu của nhân dân

Khái niệm quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan đại biểu của nhân dân

Quyền bầu cử và ứng cử là các quyền dân chủ cơ bản của công dân trong lĩnh vực chính trị, thông qua đó, nhân dân thực thi hình thức dân chủ gián tiếp ở từng địa phương và trong phạm vi cả nước

Nội dung quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan đại biểu của nhân dân

– **Người có quyền bầu cử và ứng cử vào cơ quan đại biểu của nhân dân:**

+ Mọi công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử vào Quốc Hội, Hội đồng nhân dân.

+ Những trường hợp không được thực hiện quyền bầu cử gồm: người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật; người đang phải chấp hành hình phạt tù; người mất năng lực hành vi dân sự;...

– **Cách thực hiện quyền bầu cử và ứng cử của công dân:**

+ *Quyền bầu cử của công dân thực hiện theo các nguyên tắc: bầu cử phổ thông, bình đẳng , trực tiếp và bỏ phiếu kín.*

+ *Quyền ứng cử của công dân được thực hiện theo hai con đường: tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử.*

Ý nghĩa của quyền bầu cử và ứng cử của công dân

Là cơ sở pháp lý – chính trị quan trọng để hình thành các cơ quan quyền lực nhà nước, để nhân dân thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình.

Thể hiện bản chất dân chủ, tiến bộ của Nhà nước ta

VI PHẠM QUYỀN NÀY

+ Lừa gạt: là dùng mọi thủ đoạn gian dối khiến người khác hiểu lầm, hiểu sai mà bỏ phiếu bầu cử trái với ý muốn của họ.

+ Mua chuộc: là đưa tiền, đồ vật hoặc lợi ích vật chất khác lời kéo khiến người khác nghe mình mà bỏ phiếu cho người này, không bỏ phiếu cho người kia...

+ Cưỡng ép: Dùng bạo lực, quyền lực buộc người khác phải làm theo ý muốn của mình.

+ Dùng thủ đoạn khác: Là các thủ đoạn có tính uy hiếp tinh thần, buộc người khác vì sợ mà làm theo ý muốn của mình.

| 1 | PHỔ THÔNG



Không phân biệt giới tính, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp



Đủ 18 tuổi đều có quyền tham gia bầu cử



Đủ 21 tuổi đều có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội

| 2 | BÌNH ĐẲNG



Khách quan, không thiên vị



Mỗi công dân chỉ ghi tên vào 1 danh sách cử tri



Chỉ ghi tên ứng cử ở một đơn vị bầu cử



Giá trị phiếu bầu như nhau



Phân bổ hợp lý cơ cấu thành phần, số lượng ứng viên

| 3 | TRỰC TIẾP



Cử tri trực tiếp bầu cử,
tự bỏ phiếu



Cử tri khuyết tật phải
tự mình bỏ phiếu



Cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật
bỏ phiếu ở thùng phiếu phụ
ngay tại chỗ ở, chỗ điều trị

| 4 | BỎ PHIẾU KÍN



Cử tri bỏ phiếu mà không bị
tác động bởi điều kiện,
yếu tố bên ngoài



Cử tri bầu ai, không bầu ai
được giữ bí mật



Cử tri viết phiếu bầu trong
khu vực riêng, không ai
được đến gần



Không ai được biết và can thiệp
vào việc viết phiếu bầu



Cử tri tự mình bỏ phiếu
vào hòm phiếu

Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội

a. Khái niệm về quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội

Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội là quyền của công dân tham gia thảo luận vào các công việc chung của đất nước trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong phạm vi của cả nước và trong địa

phương; quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước về xây dựng bộ máy nhà nước và phát triển kinh tế xã hội.

b. Nội dung cơ bản của quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội

*** Ở phạm vi cả nước:**

Tham gia thảo luận, góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật.
Thảo luận và biểu quyết các vấn đề trọng đại khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.

*** Ở phạm vi cơ sở:**

Trực tiếp thực hiện theo cơ chế “Dân biết, dân làm, dân kiểm tra”:
Những việc phải được thông báo để dân biết mà thực hiện (chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước...).

Những việc dân làm và quyết định trực tiếp bằng biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín.
Những việc dân được thảo luận, tham gia đóng góp ý kiến trước khi chính quyền xã quyết định.
Những việc nhân dân ở phường, xã giám sát, kiểm tra các hoạt động tại nơi mình cư trú.

c. Ý nghĩa của quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội

Là cơ sở pháp lí quan trọng để nhân dân tham gia vào hoạt động của bộ máy Nhà nước, nhằm động viên và phát huy sức mạnh của toàn dân, của toàn xã hội về việc xây dựng bộ máy nhà nước vững mạnh và hoạt động có hiệu quả.

VI PHẠM QUYỀN NÀY

- KHÔNG GỬI GIẤY MỜI THAM DỰ CUỘC HỌP CHO CÔNG DÂN
- KHÔNG CHO CÔNG DÂN THAM DỰ CUỘC HỌP
- KHÔNG CHO CÔNG DÂN PHÁT BIỂU
- KHÔNG GHI NHẬN Ý KIẾN CỦA CÔNG DÂN VÀO BIÊN BẢN CUỘC HỌP
- CẢN TRỞ CÔNG DÂN KIỂM TRA GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

QUYỀN TỔ CÁO KHIẾU NẠI CỦA CD

a) Khái niệm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân

- Quyền khiếu nại, tố cáo là quyền dân chủ cơ bản của công dân được quy định trong hiến pháp, là công cụ để nhân dân thực hiện **dân chủ trực tiếp** trong những trường hợp cần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân ,tổ chức bị hành vi trái pháp luật xâm hại .
- Quyền khiếu nại là quyền công dân, cơ quan, tổ chức được đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng hành vi đó trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích của công dân .
- Quyền tố cáo là quyền công dân được phép báo cho cơ quan , tổ chức ,cá nhân có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan , tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa đến lợi ích của Nhà nước , quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức

b) Nội dung quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.

	Quyền khiếu nại	Quyền tố cáo
Khái niệm	Quyền của mọi công dân hoặc tổ chức, đề nghị với cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có thẩm quyền xem xét lại những quyết định, những việc làm không đúng pháp luật	Quyền của công dân báo cho cơ quan tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết được việc làm vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, của cán bộ nhà nước, hoặc của một cá nhân nào đó gây thiệt hại lợi ích của nhà nước tập thể hoặc của cá nhân
Lĩnh vực	Hành chính	Hành chính , hình sự, dân sự và kỷ luật
Mục đích	Khôi phục quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chính người khiếu nại đã bị xâm phạm	Phát hiện, ngăn chặn các việc làm trái PL xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân ,tổ chức ,cơ quan
Người có quyền	Cá nhân, tổ chức, cơ quan có quyền ,lợi ích hợp pháp bị xâm hại	bất cứ công dân nào
Người	+ Người đứng đầu cơ quan hành chính có quyết	+ Người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lí

có thẩm quyền giải quyết	định, hành vi hành vi hành chính bị khiếu nại. + Người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan hành chính có quyết định, hành vi hành chính bị khiếu nại + chủ tịch Ủy ban ND cấp tỉnh, bộ trưởng ,thứ trưởng	người bị tố cáo cơ quan đó giải quyết + Người đứng đầu cơ quan,tổ chức cấp trên của cơ quan,tổ chức co người bị tố cáo + Chánh thanh tra các, tổng thanh tra chính phủ + Các cơ quan tổ tụng (Điều tra, kiểm sát, tòa án) nếu hành vi tố cáo có dấu hiệu hình sự
Quy trình	Bước 1 : Nộp bài khiếu nại đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết Bước 2 : Người giải quyết khiếu nại xem xét giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền và thời gian do luật định Bước 3 : Người khiếu nại đồng ý với kết quả giải quyết thì quyết định của người giải quyết có hiệu lực . Bước 4 : Người giải quyết khiếu nại lần 2 xem xét giải quyết yêu cầu của người khiếu nại , nếu lần hai người khiếu nại không đồng ý thì có quyền khởi kiện ra tòa án nhân dân.	Bước 1 : Người tố cáo gửi đơn tố cáo đến cơ quan, tổ chức , cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo. Bước 2 : Người giải quyết tố cáo xác định ra quyết định về nội dung tố cáo , xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền đối với người vi phạm . Bước 3 : Nếu người tố cáo căn cứ vào việc giải quyết tố cáo không đúng pháp luật - Người tố cáo có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức cấp trên của người giải quyết tố cáo. Bước 4 : Cơ quan , tổ chức , các nhân giải quyết tố cáo lần 2 có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn luật định .

c) Ý nghĩa của quyền tố cáo, khiếu nại của công dân

- Là cơ sở pháp lí để công dân thực hiện một cách có hiệu quả quyền công dân của mình trong một xã hội dân chủ, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, ngăn chặn những việc làm trái pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tổ chức và công dân.

4. Trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc thực hiện các nền dân chủ của công dân

- Trách nhiệm của nhà nước: Phải đảm bảo các điều kiện để nhân dân thực hiện quyền dân chủ.
- Trách nhiệm công dân: Thực hiện tốt quyền dân chủ

Lưu ý

Việc khiếu nại được đặt ra khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình thì người khiếu nại khiếu nại lần đầu đến người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính. Cụ thể để giải thích kỹ hơn cho 3 trường hợp thì phải xuất hiện một trong 3 căn cứ sau:

- **Có quyết định hành chính** là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành để quyết định về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể.
- **Có Hành vi hành chính** là hành vi của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.
- **Có quyết định kỷ luật** là quyết định bằng văn bản của người đứng đầu cơ quan, tổ chức để áp dụng một trong các hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý của mình theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

khi có hai căn cứ sau thì người tố cáo có thể gửi đơn hoặc trực tiếp tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- **Hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ:** là việc công dân báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ.
- **Hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực:** là việc công dân báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào đối với việc chấp hành quy định pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực.

Bài 8. PHÁP LUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG DÂN

1. Quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân

Quyền học tập của công dân

– Khái niệm:

Mọi công dân đều có quyền học từ thấp đến cao, có thể học bất cứ ngành, nghề nào, có thể học bằng nhiều hình thức và có thể học thường xuyên, học suốt đời.

– Nội dung:

- + *Học không hạn chế:* Học ở trường phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, sau đại học.
- + *Học bất cứ ngành nghề nào:* các ngành khoa học tự nhiên, XH và nhân văn, kỹ thuật.
- + *Học thường xuyên, học suốt đời:* Học ở hệ chính qui hoặc giáo dục thường xuyên, tập trung hoặc không tập trung; học ở trường quốc lập, dân lập, tư thục; học ở các độ tuổi khác nhau.
- + *Mọi công dân đều được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập:* Không phân biệt đối xử giữa công dân thuộc các dân tộc, tôn giáo; giữa người ở thành phố và nông thôn, đồng bằng và miền núi; HS có hoàn cảnh khó khăn được Nhà nước và xã hội tạo điều kiện để thực hiện quyền học tập.

2. Quyền sáng tạo của công dân

– Khái niệm:

Quyền của mỗi người được tự do nghiên cứu khoa học, tự do tìm tòi, suy nghĩ để đưa ra các phát minh, sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất; quyền về sáng tác văn học, nghệ thuật, khám phá khoa học để tạo ra các sản phẩm, công trình khoa học về các lĩnh vực đời sống xã hội.

– Quyền sáng tạo của công dân bao gồm quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và hoạt động khoa học, công nghệ.

– Pháp luật nước ta:

- + Khuyến khích sáng tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ.
- + Bảo vệ quyền sáng tạo của công.

3. Quyền được phát triển của công dân

– Khái niệm:

Quyền được phát triển là quyền của công dân được sống trong môi trường xã hội và tự nhiên có lợi cho sự tồn tại và phát triển về thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức; có mức sống đầy đủ về vật chất; được học tập, nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí, tham gia các hoạt động văn hóa; được cung cấp thông tin và chăm sóc sức khỏe; được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng.

– Nội dung:

- + Quyền của công dân được hưởng đời sống vật chất và tinh thần đầy đủ để phát triển toàn diện.
- + Công dân có quyền được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng.

Ý nghĩa quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân

- Là quyền cơ bản của công dân
- Là điều kiện để con người phát triển toàn diện
- Là điều kiện đảm bảo sự bình đẳng
- Những người học giỏi, tài năng phấn đấu học tập và nghiên cứu

Trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc bảo đảm và thực hiện quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân

Trách nhiệm của Nhà nước

Ban hành chính sách, pháp luật, thực hiện đồng bộ các biện pháp cần thiết để các quyền này thực sự đi vào đời sống của mỗi người dân. Các quyền này của công dân và các biện pháp bảo đảm thực hiện của Nhà nước được quy định trong Hiến pháp, Luật Giáo dục, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em và trong nhiều văn bản pháp luật khác của Nhà nước.

Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục.

Nhà nước khuyến khích, phát huy sự tìm tòi, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học.

Nhà nước bảo đảm những điều kiện để phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Trách nhiệm của công dân

Có ý thức học tập tốt để trở thành người có ích trong cuộc sống.

Có ý chí vươn lên, luôn chịu khó tìm tòi và phát huy tính sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất để tạo ra nhiều sản phẩm vật chất và tinh thần cần thiết cho xã hội.

BÀI 9: PHÁP LUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐẤT NƯỚC

- 1. Vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vững của đất nước**
- 2. Nội dung cơ bản của pháp luật về sự phát triển bền vững của đất nước**

a) Một số nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển kinh tế

*** Quyền tự do kinh doanh của công dân**

Quyền tự do kinh doanh được qui định trong Hiến pháp và các luật về kinh doanh.

Tự do kinh doanh có nghĩa là mọi công dân khi có đủ điều kiện do pháp luật quy định đều có quyền tiến hành hoạt động kinh doanh sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận đăng kí kinh doanh

*** Nghĩa vụ của công dân khi thực hiện các hoạt động kinh doanh**

Kinh doanh đúng ngành, nghề ghi trong giấy phép kinh doanh và những ngành, nghề mà pháp luật không cấm;

Nộp thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật;

Bảo vệ môi trường;

Tuân thủ các quy định về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội...

Ở nước ta hiện nay có nhiều loại thuế khác nhau.

– *Thuế thu nhập doanh nghiệp* : Là khoản thuế thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá và dịch vụ có thu nhập của các tổ chức, cá nhân.

– *Thuế giá trị gia tăng* : Là khoản thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

– *Thuế tiêu thụ đặc biệt* : Là thuế thu đối với một số mặt hàng hoá và dịch vụ đặc biệt được sản xuất trong nước hoặc được nhập khẩu vào Việt Nam.

+ *Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao* : Là thuế thu đối với công dân Việt Nam ở trong nước hoặc đi công tác nước ngoài và cá nhân khác định cư tại Việt Nam, người nước ngoài làm việc tại Việt Nam có thu nhập cao theo quy định của pháp luật.

b) Một số nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển về văn hóa

c) Một số nội dung cơ bản của pháp luật trong phát triển các lĩnh vực xã hội

– Pháp luật khuyến khích các cơ sở kinh doanh tạo ra nhiều việc làm mới.

– Pháp luật quy định, Nhà nước sử dụng các biện pháp kinh tế – tài chính để *thực hiện xóa đói, giảm nghèo*.

– Luật Hôn nhân và gia đình và Pháp lệnh Dân số đã quy định công dân có nghĩa vụ thực hiện kế hoạch hóa gia đình; xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững;...

– Luật Phòng, chống ma túy, Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm quy định về phòng, chống tội phạm, ngăn chặn và bài trừ các tệ nạn xã hội, nhất là nạn mại dâm, ma túy; ngăn chặn, đẩy lùi đại dịch HIV/AIDS,...

Chủ trương, chính sách và pháp luật nhằm tăng trưởng kinh tế, Nhà nước ta phải quan tâm đến giải quyết các vấn đề xã hội, với quan điểm thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội Việt Nam giai đoạn 2001 – 2020 là “tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”.

d) Một số nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường

– Để bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, Nhà nước đã ban hành một hệ thống các văn bản như: Luật bảo vệ môi trường, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Thủy sản, Luật Dầu khí, Luật Khoáng sản, Luật Tài nguyên nước...

– Các hoạt động bảo vệ môi trường :

+ bảo tồn và quản lý TNMT.

+ Bảo vệ môi trường trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

+ Bảo vệ môi trường đô thị và khu dân cư.

+ Bảo vệ môi trường biển và các nguồn nước.

– Tầm quan trọng của rừng:

+ Rừng là tài nguyên quý báu của đất nước.

+ Có giá trị lớn về kinh tế.

– Nghiêm cấm những hành vi :

+ Phá hoại, khai thác trái phép rừng, các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

+ Các hành vi khai thác đánh bắt nguồn tài nguyên sinh vật bằng các phương tiện hủy diệt.

+ Kinh doanh, tiêu thụ các thực, động vật quý hiếm.

+ Thải các chất thải độc hại chưa được xử lý.

- Biện pháp xử lý:
- + Xử lý hành chính, kỷ luật, truy cứu trách nhiệm hình sự.
- + Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại.
- Trách nhiệm của bản thân:
- + Ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với bảo vệ môi trường .
- + Thực hiện quy định về bảo vệ môi trường .
- + Phát hiện, tố cáo những hành vi vi phạm.

e) Một số nội dung cơ bản của pháp luật về quốc phòng, an ninh:

Để tăng cường quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, Nhà nước ban hành hệ thống các văn bản pháp luật: Luật Quốc phòng, Luật An ninh quốc gia, Luật Công an nhân dân, Luật Nghĩa vụ quân sự,...

Nguyên tắc hoạt động quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia là huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia; phối hợp có hiệu quả hoạt động an ninh, quốc phòng và đối ngoại; chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân.

Pháp luật quy định củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ của toàn dân mà nòng cốt là Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Ghi chú: Ngoài phần tóm tắt lí thuyết, Học sinh cần phải đọc và tham khảo bài tập trong sách giáo khoa GDCD 12 để làm bài thi tốt

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

Bài 6 CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN

Câu 1: Hành vi nào sau đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân?

- A. Sau khi ra khỏi nhà, em luôn khóa cửa cẩn thận.
- B. Lén vào nhà người khác để lấy đồ vật của mình bị rơi.
- C. Không mở cửa cho người lạ vào nhà khi không có người lớn nào trong nhà.
- D. Phát hiện nhà hàng xóm có khói bay lên từ nhà bếp, em điện thoại báo cho chủ nhà và hỏi xin ý kiến về việc phá khóa xông vào nhà kiểm tra.

Câu 2: Hành vi nào sau đây không vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân?

- A. Hết hạn cho thuê nhà nhưng ông A không chịu dọn ra khỏi nhà thuê.
- B. Cơ quan có thẩm quyền vào khám nhà bà B, khi có căn cứ trong nhà bà B có hung khí gây án.
- C. Khi phát hiện có người lén trèo vào nhà hàng xóm, em điện thoại ngay cho công an phường.
- D. C tranh chừng cho bạn leo rào vào nhà bên cạnh để hái trộm xoài.

Câu 3: Hành vi nào sau đây không vi phạm quyền được đảm bảo an toàn, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân?

- A. Nghe trộm điện thoại của người khác.
- B. Đọc lén thư điện tử của người khác.
- C. Người làm nhiệm vụ chuyển thư làm mất thư tín của nhân dân.
- D. Nhận được thư của người khác thì tìm cách trả lại cho họ.

Câu 4: Hành vi nào sau đây vi phạm quyền được đảm bảo an toàn, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân?

- A. Cung cấp địa chỉ thư điện tử và số điện thoại cá nhân của người thân cho người khác.
- B. Không chiếm đoạt bưu phẩm của người khác.
- C. Phê phán, tố cáo những hành vi xâm phạm thư tín, điện thoại của người khác.
- D. Người có thẩm quyền bóc thư của kẻ phạm tội để phục vụ cho công tác điều tra theo đúng quy định của pháp luật.

Câu 5: Hành vi nào sau đây vi phạm quyền tự do ngôn luận của công dân?

- A. Viết bài đăng báo phát biểu ý kiến về những vấn đề nóng hổi của xã hội.
- B. Tung tin sai sự thật về người khác trên mạng xã hội.
- C. Phát biểu thẳng thắn tại các cuộc họp tổ dân phố.
- D. Học sinh viết thư đóng góp ý kiến với lãnh đạo nhà trường.

Câu 6. Cử tri kiến nghị với Đại biểu Quốc hội về vấn đề đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng các

công trình công cộng là thực hiện quyền nào dưới đây của công dân?

A. Tự chủ phán quyết. B. Tự do ngôn luận. C. Quản lý cộng đồng. D. Quản lý nhân sự.

Câu 7. Để đảm bảo đời sống riêng tư của mỗi cá nhân trong xã hội điều kiện cần thiết phải thực hiện

A. quyền bí mật đời tư của cá nhân. B. quyền được thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.
C. quyền bất khả xâm phạm của công dân. D. quyền được bí mật của công dân.

Câu 8. Do ghen tức vì cô N là người yêu cũ của chồng mình, Bà H đã giăng lấy điện thoại của N và kiểm tra tin nhắn, xem có tin nhắn nào của chồng mình gửi cho N không. Hành động này vi phạm đến quyền

A. thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. B. riêng tư cá nhân.
C. bí mật của công dân. D. bí mật đời tư của cá nhân.

Câu 9. Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín có vai trò gì đối với mỗi cá nhân?

A. Giúp bất cứ ai cũng có thể tự tiện mở, xem thư của người khác.
B. Giúp cá nhân có thể dễ dàng tiêu hủy thư, điện tín của người khác.
C. Đảm bảo đời sống riêng tư của mỗi cá nhân.
D. Giúp người làm nhiệm vụ chuyển thư nếu có làm mất thư, điện tín của nhân dân cũng không phải chịu trách nhiệm.

Câu 10. Công dân **không** vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở khi tự ý vào nhà người khác để thực hiện hành vi nào dưới đây?

A. Tuyên truyền thông tin nội bộ. B. Giới thiệu sản phẩm đa cấp. C. Tiến hành vận động tranh cử. D. Cấp cứu người bị điện giật.

Câu 11. Theo quy định của pháp luật, trong những trường hợp cần thiết, chủ thể nào dưới đây được kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của công dân?

A. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. B. Lực lượng bưu chính viễn thông. C. Đội ngũ phóng viên báo chí. D. Nhân viên chuyên phát nhanh.

Câu 12: Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín là loại quyền

A. bí mật đời tư của cá nhân. B. riêng tư cá nhân.
C. cá nhân của công dân. D. quan trọng của công dân.

Câu 13: Việc kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân chỉ được thực hiện trong trường hợp pháp luật có quy định và phải có quyết định của

A. cơ quan nhà nước. B. cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
C. thủ trưởng cơ quan. D. thủ trưởng cơ quan cấp trên.

Câu 14: Hoạt động nào sau đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân?

A. Khám xét chỗ ở của công dân theo quy định của pháp luật khi cần bắt người đang bị truy nã.
B. Khám xét chỗ ở của công dân theo quy định của pháp luật khi có căn cứ khẳng định chỗ ở của người nào đó có công cụ để thực hiện tội phạm.
C. Chỉ có người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự mới có quyền ra lệnh khám xét chỗ ở của công dân.
D. Nghi ngờ có trộm cắp vào nhà hàng xóm thì cần khám xét chỗ ở ngay, không cần chủ nhà đồng ý, nếu chậm trễ thì tên trộm sẽ chạy mất.

Câu 15: Hoạt động nào sau đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân?

A. Tự tiện xông vào nhà người khác vì nghi ngờ chủ nhà có hành vi sai trái.
B. Giúp chủ nhà vào nhà khi chủ nhà yêu cầu giúp đỡ.
C. Chỉ vào chỗ ở của người khác khi được người đó cho phép.
D. Biết bảo vệ chỗ ở của mình.

Câu 16: Để đảm bảo quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân, pháp luật quy định

A. nghiêm cấm hành vi tự ý vào chỗ ở của người khác.
B. cho phép cán bộ nhà nước có thẩm quyền được khám chỗ ở theo theo trình tự, thủ tục nhất định.
C. nghiêm cấm hành vi tự ý vào chỗ ở của người khác và cho phép cán bộ nhà nước có thẩm quyền được khám chỗ ở theo theo trình tự, thủ tục nhất định.
D. chỉ cảnh sát mới có quyền khám xét chỗ ở của công dân.

Câu 17: Ai là người có thẩm quyền ra lệnh khám chỗ ở của công dân?

Cán bộ nhà nước.

A. Công an. B. Viện trưởng Viện Kiểm sát. C. Ủy ban nhân dân. D. Hội đồng nhân dân

Câu 18: Trong cuộc họp của công ty, ông B là Tổng giám đốc đã ngắt lời không cho chị N phát biểu phê bình chủ tịch công đoàn. Khi anh A đang trình bày ý kiến ủng hộ quan điểm của chị N thì bị ông H là Phó Tổng giám đốc ra lệnh cho anh M là nhân viên bảo vệ ngoài hội trường buộc anh A phải ra khỏi cuộc họp. Những ai dưới đây vi phạm quyền tự do ngôn luận của công dân?

A. Ông B, ông H và anh M. B. Ông H và anh M. C. Ông B và ông H. D. Ông B, ông H và chị N.

Câu 19: Theo quy định của pháp luật, trong những trường hợp cần thiết, việc kiểm soát điện thoại, điện tín của công dân chỉ được tiến hành bởi

A. phóng viên báo chí. B. lực lượng buru chính. C. cơ quan ngôn luận. D. người có thẩm quyền.

Câu 20. Việc khám xét chỗ ở của công dân phải tuân theo đúng

A. nguyện vọng của nhà chức trách. B. tính chất, mức độ của vi phạm.

C. khả năng của người quản lí. D. trình tự, thủ tục của pháp luật.

Câu 21. Chị T nhận được công văn mật do giám đốc B làm rơi trên đường về nhà nên mở ra xem rồi nhờ anh P in sao để đăng tải lên mạng xã hội. Nội dung này đã được anh K chia sẻ lên trang tin cá nhân. Những ai dưới đây đã vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín?

A. Chị T và anh P. B. Giám đốc B, chị T và anh P.

C. Giám đốc B, chị T, anh P và anh K. D. Giám đốc B và chị T.

BÀI 7. CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN DÂN CHỦ

Câu 1. Tại một điểm bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, anh A đã viết rồi tự tay bỏ lá phiếu của mình và của cụ Q là người không biết chữ vào hòm phiếu. Anh A và cụ Q cùng vi phạm nguyên tắc bầu cử nào dưới đây?

A. Bỏ phiếu kín. B. Trực tiếp. C. Phổ biến. D. Công khai.

Câu 2. Anh A đề nghị thủ trưởng cơ quan xem xét lại quyết định cho thôi việc của mình. Ta nói anh A đang thực hiện quyền gì?

A. Quyền tố cáo B. Quyền ứng cử
C. Quyền bãi nại. D. Quyền khiếu nại

Câu 3. Ngày 22/5/2011, Việt Nam tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Công dân nào dưới đây đủ điều kiện được ứng cử khi có ngày sinh là

A. 21/5/1990 B. 21/4/1991 C. 21/5/1994. D. 21/5/1993

Câu 4. Ngày 22/5/2011, Việt Nam tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Công dân nào dưới đây đủ điều kiện được bầu cử khi có ngày sinh là

A. 21/5/1993 B. 21/4/1995 C. 21/5/1994. D. 21/5/1996

Câu 5. Hiến pháp 2013 qui định mọi công dân

A. Đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và ứng cử
B. Đủ 21 tuổi trở lên có quyền bầu cử và ứng cử
C. Từ 18 đến 21 tuổi có quyền bầu cử và ứng cử
D. Đủ 18 tuổi có quyền bầu cử, đủ 21 tuổi có quyền ứng cử

Câu 6. Nhận định nào sai: Dân được hưởng quyền bầu cử và ứng cử một cách bình đẳng, không phân biệt

A. Giới tính, dân tộc, tôn giáo. B. Tình trạng pháp lý
C. Trình độ văn hoá, nghề nghiệp. D. Thời hạn cư trú nơi thực hiện quyền bầu cử, ứng cử

Câu 7. Nhận định nào sai: Khi xác định người không được thực hiện quyền ứng cử

A. Người bị khởi tố dân sự
B. Người đang chấp hành quyết định hình sự của Tòa án
C. Người đang bị xử lý hành chính về giáo dục tại địa phương
D. Người đã chấp hành xong bản án hình sự nhưng chưa được xoá án

Câu 8. Công dân A tham gia góp ý vào dự thảo luật khi Nhà nước trưng cầu dân ý, ta gọi công dân A đã thực hiện quyền dân chủ nào?

A. Quyền ứng cử C. Quyền kiểm tra, giám sát
B. Quyền đóng góp ý kiến. D. Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội

Câu 9. Mục đích của quyền khiếu nại là nhằm quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại.

A. phục hồi B. bù đắp. C. chia sẻ D. khôi phục

Câu 10. Mục đích của quyền tố cáo nhằmcác việc làm trái pháp luật, xâm hại đến lợi ích của nhà

nước, tổ chức và công dân.

- A. phát hiện, ngăn ngừa
- B. phát sinh
- C. Phát triển, ngăn chặn
- D. phát hiện, ngăn chặn

Câu 11. Nguyên tắc nào không phải là nguyên tắc bầu cử

- A. Phổ thông.
- B. Bình đẳng.
- C. Công khai.
- D. Trực tiếp

Câu 12. Quyền ứng cử của công dân có thể thực hiện bằng

- A. 1 con đường duy nhất.
- B. 2 con đường
- C. 3 con đường.
- D. 4 con đường

Câu 13. Ở phạm vi cơ sở, chủ trương, chính sách pháp luật là

- A. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện
- B. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp
- C. Những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định
- D. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra

Câu 14. Ở phạm vi cơ sở, kiểm sát việc khiếu nại, tố cáo của công dân là

- A. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện
- B. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp
- C. Những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định
- D. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra

Câu 15. Ở phạm vi cơ sở, các đề án định canh, định cư, giải phóng mặt bằng, tái định cư là

- A. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện
- B. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp
- C. Những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định
- D. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra

Câu 16. Ở phạm vi cơ sở, chủ trương và mức đóng góp xây dựng các công trình phúc lợi công cộng là

- A. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện
- B. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp
- C. Những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định
- D. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra

Câu 17.Chị A thường xuyên yêu cầu được trang bị bảo hộ lao động theo quy định nên ông T giám đốc doanh nghiệp nơi chị làm việc cắt giảm phụ cấp chức vụ trưởng phòng của chị. Chị A cần vận dụng quyền nào dưới đây để bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình?

- A. Tố cáo.
- B. Khởi tố.
- C. Tranh tụng.
- D. Khiếu nại.

Câu 18. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội là quyền gắn liền với việc thực hiện

- A. Hình thức dân chủ trực tiếp
- B. Hình thức dân chủ gián tiếp
- C. Hình thức dân chủ tập trung
- D. Hình thức dân chủ xã hội chủ nghĩa

Câu 19. Tham gia thảo luận, góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật quan trọng, liên quan đến các quyền và lợi ích cơ bản của công dân là việc thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước ở

- A. Phạm vi cả nước.
- B. Phạm vi cơ sở
- C. Phạm vi địa phương.
- D. Phạm vi cơ sở và địa phương

Câu 20. Thảo luận và biểu quyết các các vấn đề trọng đại khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân là việc thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước ở

- A. Phạm vi cả nước.
- B. Phạm vi cơ sở
- C. Phạm vi địa phương.
- D. Phạm vi cơ sở và địa phương

Câu 21. Ở phạm vi cơ sở, xây dựng hương ước, qui ước ... là

- A. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện
- B. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp
- C. Những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định
- D. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra

Câu 22. Ở phạm vi cơ sở, kiểm sát dự toán và quyết toán ngân sách xã, phường là

- A. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện
- B. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp
- C. Những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định
- D. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra

Câu 23. Ở phạm vi cơ sở, dự thảo qui hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của xã, phường là

- A. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện
- B. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp
- C. Những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định
- D. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra

Câu 24. Tại một điểm bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, khi đang cùng chị C trao đổi về lý lịch các ứng cử viên, anh A phát hiện chị S viết phiếu bầu theo đúng yêu cầu của ông X. Anh A đã đề nghị chị S sửa lại phiếu bầu nhưng chị không đồng ý. Những ai dưới đây vi phạm nguyên tắc bỏ phiếu kín?

- A. Anh A, chị S, chị C và ông X.
- B. Ông X, chị S và chị C.
- C. Chị S, chị C và anh A.
- D. Anh A, ông X và chị S.

Câu 25. Ông B giám đốc sở X kí quyết định điều chuyển chị A nhân viên đến công tác ở một đơn vị xa nhà dù chị đang nuôi con nhỏ vì nghi ngờ chị A biết việc mình sử dụng bằng đại học giả. Trên đường đi làm, chị A điều khiển xe mô tô vượt đèn đỏ nên bị anh C là cảnh sát giao thông yêu cầu đưa cho anh một triệu đồng. Bị chị A từ chối, anh C lập biên bản xử phạt thêm lỗi mà chị không vi phạm. Bức xúc, chị A thuê anh D viết bài nói xấu anh C và ông B trên mạng xã hội. Những ai dưới đây là đối tượng vừa bị tố cáo vừa bị khiếu nại?

- A. Ông B, anh C và anh D.
- B. Chị A và anh D.
- C. Ông B và anh C.
- D. Ông B, anh C và chị A.

Câu 26. Công dân đóng góp ý kiến vào dự thảo sửa đổi các bộ luật là thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội ở phạm vi nào dưới đây?

- A. Cả nước.
- B. Vùng miền.
- C. Cơ sở.
- D. Địa phương.

Câu 27. Trên cơ sở chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhân dân trực tiếp quyết định những công việc thiết thực, cụ thể gắn liền với quyền và nghĩa vụ nơi họ sinh sống là việc thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước ở

- A. Phạm vi cả nước.
- B. Phạm vi cơ sở
- C. Phạm vi địa phương.
- D. Phạm vi cơ sở và địa phương

BÀI 8. PHÁP LUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG DÂN

Câu 1. Quyền được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng của công dân thuộc nhóm quyền nào dưới đây?

- A. Quyền được sáng tạo.
- B. Quyền được tham gia.
- C. Quyền được phát triển.
- D. Quyền tác giả

Câu 2. Tác phẩm văn học do công dân tạo ra được pháp luật bảo hộ thuộc quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền tác giả.
- B. Quyền sở hữu công nghiệp.
- C. Quyền phát minh sáng chế.
- D. Quyền được phát triển.

Câu 3. Quan điểm nào dưới đây sai khi nói về quyền học tập của công dân?

- A. Quyền học tập không hạn chế.
- B. Quyền học bất cứ ngành, nghề nào.
- C. Quyền học thường xuyên, học suốt đời.
- D. Quyền học tập khi có sự đồng ý của các cơ quan có thẩm quyền.

Câu 4. Chính sách miễn giảm học phí của Nhà nước ta đã tạo điều kiện giúp đỡ nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn được học tập. Điều này thể hiện

- A. công bằng xã hội trong giáo dục.
- B. bất bình đẳng trong giáo dục.
- C. định hướng đổi mới giáo dục.
- D. chủ trương phát triển giáo dục.

Câu 5. Việc mở trường trung học phổ thông chuyên ở nước ta hiện nay nhằm:

- A. bảo đảm tính nhân văn trong giáo dục.
- B. bảo đảm công bằng trong giáo dục.
- C. đào tạo chuyên gia kỹ thuật cho đất nước.
- D. bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Câu 6. Việc cộng điểm ưu tiên trong tuyển sinh đại học, cao đẳng cho học sinh là người dân tộc thiểu số đã thể hiện quyền bình đẳng về

- A. điều kiện chăm sóc về thể chất.
- B. điều kiện học tập không hạn chế.
- C. điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa.
- D. điều kiện hưởng thụ các giá trị văn hóa.

Câu 7. Quyền sáng tạo của công dân được pháp luật quy định là:

- A. Quyền sở hữu công nghiệp.
- B. Quyền được tự do thông tin.
- C. Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí.
- D. Tất cả các phương án trên.

Câu 8. Nội dung cơ bản của quyền học tập của công dân là:

- A. Mọi công dân đều được ưu tiên trong tuyển chọn vào các trường đại học, cao đẳng như nhau.
- B. Mọi công dân đều bình đẳng về cơ hội học tập.
- C. Mọi công dân đều phải đóng học phí.
- D. Tất cả các phương án trên.

Câu 9. Theo quy định của pháp luật, nội dung quyền được phát triển **không** thể hiện ở việc công dân được

- A. bồi dưỡng để phát triển tài năng.
- B. chuyển nhượng quyền tác giả.
- C. chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- D. tham gia hoạt động văn hóa.

Câu 10. Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục là để

- A. tạo điều kiện cho ai cũng được học hành
- B. mọi công dân bình đẳng, nhưng phải có sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền
- C. ưu tiên cho các dân tộc thiểu số
- D. ưu tiên tìm tòi nhân tài, góp phần phụng sự đất nước

Câu 11. Ý nào sau đây sai khi nói về quyền được phát triển của công dân?

- A. Được sống trong môi trường xã hội và tự nhiên có lợi cho sự tồn tại và phát triển về mọi mặt
- B. Có mức sống đầy đủ về vật chất
- C. Được cung cấp thông tin và chăm sóc sức khỏe
- D. Được khuyến khích và bồi dưỡng phát triển tài năng khi có sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền

Câu 12. Quyền sáng tạo của công dân bao gồm quyền tác giả, và hoạt động khoa học, công nghệ. Cụm từ thích hợp trong chỗ trống là

- A. quyền tư hữu
- B. quyền sở hữu công nghiệp
- C. quyền phê bình
- D. quyền tự do sáng tác

Câu 13. Một trong những nội dung của quyền được phát triển là công dân được

- A. thay đổi đồng bộ cơ cấu kinh tế.
- B. lựa chọn mọi nguồn quỹ phúc lợi.
- C. trực tiếp kí kết hiệp định toàn cầu.
- D. hưởng đời sống vật chất đầy đủ.

Câu 14. Học bằng nhiều hình thức khác nhau là

- A. quyền học không hạn chế.
- B. quyền học bất cứ ngành nghề nào
- C. quyền học thường xuyên, học suốt đời
- D. quyền được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập

Câu 15. Học để có điều kiện trở thành chiến sĩ công an là

- A. quyền học không hạn chế.
- B. quyền học bất cứ ngành nghề nào
- C. quyền học thường xuyên, học suốt đời
- D. quyền được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập

Câu 16. Trường Trung học phổ thông X trang bị hệ thống máy tính có kết nối mạng internet trong phòng đọc phục vụ nhu cầu học tập của học sinh. Trường X đã tạo điều kiện để học sinh thực hiện nội dung nào dưới đây của quyền được phát triển?

- A. Quản trị truyền thông.
- B. Tích cực đàm phán.
- C. Được cung cấp thông tin.
- D. Đối thoại trực tuyến.

Câu 17. Những người phát triển sớm về trí tuệ được học trước tuổi, học vượt lớp là thể hiện nội dung quyền được

- A. phủ định.
- B. bình chọn.
- C. phát triển.
- D. phán quyết.

Câu 18. Mặc dù bố mẹ A muốn con trở thành bác sĩ nhưng A lại đăng kí vào trường sư phạm. A đã vận dụng quyền học tập ở nội dung nào dưới đây?

- A. Học theo chỉ định.
- B. Học vượt cấp, vượt lớp.
- C. Học thường xuyên, liên tục.
- D. Học bất cứ ngành, nghề nào.

Câu 19. Trẻ em được hưởng chế độ chăm sóc sức khỏe ban đầu là thể hiện nội dung quyền được

- A. tham vấn.
- B. phát triển.
- C. phán xét.
- D. lựa chọn.

Câu 20. Nội dung nào dưới đây thể hiện quyền học không hạn chế của công dân?

- A. Học thay người đại diện.
- B. Học theo sự ủy quyền.
- C. Học khi được chỉ định.
- D. Học từ thấp đến cao.

BÀI 9. PHÁP LUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐẤT NƯỚC

Câu 1. Vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vững của đất nước được thể hiện:

- A. Trong lĩnh vực văn hóa
- B. Chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế
- C. Chủ yếu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường
- D. Trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội

Câu 2. Trong xu hướng toàn cầu hóa, quốc tế hóa hiện nay và để đảm bảo sự lâu dài, hiệu quả, mỗi quốc gia nên chọn phát triển theo hướng:

- A. Năng động
- B. Sáng tạo
- C. Bền vững
- D. Liên tục

Câu 3. Những vấn đề cần được ưu tiên giải quyết trong quá trình hướng tới mục tiêu phát triển bền vững là:

- A. Kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường và quốc phòng an ninh.
- B. Kinh tế, văn hóa, dân số, môi trường và quốc phòng an ninh.
- C. Kinh tế, việc làm, bình đẳng giới, văn hóa xã hội.
- D. Kinh tế, văn hóa, xã hội, bình đẳng giới và quốc phòng an ninh.

Câu 4. Pháp luật về sự phát triển bền vững trong lĩnh vực kinh tế quy định, công dân khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh phải thực hiện nghĩa vụ nào dưới đây?

- A. Trực tiếp tham gia quản lý thị trường.
- B. Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.
- C. Tự chủ phân phối mọi mặt hàng.
- D. Đồng loạt mở rộng quy mô doanh nghiệp.

Câu 5. Pháp luật quy định các mức thuế khác nhau đối với các doanh nghiệp, căn cứ vào:

- A. Uy tín của người đứng đầu doanh nghiệp
- B. Ngành, nghề, lĩnh vực và địa bàn kinh doanh.
- C. Thời gian kinh doanh của doanh nghiệp
- D. Khả năng kinh doanh của doanh nghiệp

Câu 6. Nhà nước sử dụng các công cụ chủ yếu nào để khuyến khích các hoạt động kinh doanh trong những ngành nghề có lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước:

- A. Tỉ giá ngoại tệ
- B. Thuế
- C. Lãi suất ngân hàng
- D. Tín dụng

Câu 7. Việc đưa ra các quy định về thuế, pháp luật đã tác động đến lĩnh vực:

- A. Môi trường
- B. Kinh tế
- C. Văn hóa
- D. Quốc phòng an ninh

Câu 8. Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa được xem là

- A. Điều kiện
- B. Cơ sở
- C. Tiền đề
- D. Động lực

Câu 9. Vai trò của pháp luật trong bảo vệ môi trường là:

- A. Ngăn ngừa, hạn chế tác động xấu của con người trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên, thiên nhiên.
- B. Xác định trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- C. Điều hòa lợi ích giữa phát triển kinh tế, tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái.
- D. Tất cả các phương án trên.

Câu 10. Câu có nội dung đúng về bảo vệ môi trường là:

- A. Ở những nơi nhiều ao, hồ, sông, suối không cần tiết kiệm nước.
- B. Cải tạo hồ nước ngọt thành hồ nước lợ nuôi tôm có giá trị kinh tế nhưng có hại cho môi trường.
- C. Lấp vùng đầm lầy rộng lớn để xây dựng khu dân cư mới là làm cho môi trường sạch, đẹp.
- D. Dùng nhiều phân hóa học sẽ tốt cho đất.

Câu 11. Quyền tự do kinh doanh của công dân có nghĩa là:

- A. Mọi công dân đều có quyền thực hiện hoạt động kinh doanh.
- B. Công dân có quyền quyết định quy mô và hình thức kinh doanh.
- C. Công dân có thể kinh doanh bất kỳ ngành, nghề nào theo sở thích của mình.
- D. Tất cả các phương án trên.

Câu 12. Luật nghĩa vụ quân sự quy định độ tuổi gọi nhập ngũ trong thời bình là:

- A. Từ 17 đến 27 tuổi.
- B. Từ 17 tuổi đến 27 tuổi.
- C. Từ đủ 18 tuổi đến hết 27 tuổi.
- D. Từ đủ 17 tuổi đến hết 25 tuổi.

Câu 13. Vai trò của Nhà nước đối với vấn đề phát triển văn hóa là:

- A. Bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể.
- B. Khuyến khích tạo điều kiện các tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động văn hóa.

C. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, làm giàu kho tàng văn hóa Việt Nam.

D. Tất cả các phương án trên.

Câu 14. Pháp luật bảo vệ môi trường quy định:

A. Bảo vệ môi trường phải hài hòa với phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội để phát triển bền vững đất nước.

B. Bảo vệ môi trường phải phù hợp quy luật, đặc điểm lịch sử, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

C. Bảo vệ môi trường là việc làm thường xuyên, ngăn ngừa và khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường.

D. Tất cả các phương án trên.

Câu 15. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam là trách nhiệm của

A. công dân nam từ 17 tuổi trở lên. B. công dân nam từ 18 tuổi trở lên.

C. công dân từ 20 tuổi trở lên. D. mọi công dân Việt Nam.

Câu 16. Một trong những nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển các lĩnh vực xã hội là

A. thực hiện xóa đói, giảm nghèo. B. thúc đẩy hiện tượng độc quyền.

C. triệt tiêu quan hệ cung - cầu. D. nâng cao tỉ lệ lạm phát.

Câu 17. Công dân nộp thuế đầy đủ, đúng quy định khi tiến hành các hoạt động kinh doanh là thực hiện nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển

A. chứng khoán. B. Bộ nguồn đất. C. kinh tế. D. cổ phiếu.

Câu 18. Học sinh tham gia các hoạt động "Vì biển đảo quê hương" là thực hiện nội dung cơ bản của pháp luật về

A. quốc phòng, an ninh. B. điều phối nhân lực. C. quy trình hội nhập. D, xử lý truyền thông.